

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NAM TỪ LIÊM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **162/2022/DSST**

Ngày: 11/5/2022

NHÂN DANH

V/v *Tranh chấp quyền sử dụng đất nông nghiệp* **NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị An;

Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Oanh;

Ông Nguyễn Tiến Chuyên.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Đặng Thị Thùy Dung - Cán bộ
Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm: Ông Nguyễn Phúc
Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Nam Từ Liêm,
xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 101/2020/TLST- DSST ngày
13/10/2020 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất nông nghiệp*” giữa:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị B, sinh 1959 và ông Vũ Văn Q, sinh 1958.
Cùng địa chỉ: Số 2, ngách 3 đường L, TDP số 4, phường M, quận N, Hà Nội (có
mặt).

- **Bị đơn:** Ông Vũ Văn M, sinh 1961 và bà Nguyễn Thị P, sinh 1965. Địa
chỉ: Số 1, ngách 2 đường M, TDP số 2, phường M, quận N, Hà Nội (vắng mặt).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt:**

+ Anh Vũ Tiến Đ, sinh 1988; Cháu Vũ Thục A, sinh 2003; Chị Nguyễn
Thị Lan A, sinh 1985; Cháu Vũ Thê K, sinh 2018; Chị Vũ Thúy L, sinh 1989;
Cháu Nguyễn Vũ Hoàng A, sinh 2016. Cùng địa chỉ: Số 1, ngách 2 đường M,
TDP số 2, phường M, quận N, Hà Nội.

+ Bà Nguyễn Thị T, sinh 1933. Địa chỉ: Số nhà 4, TDP 5, phường M,
quận N, Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị B – ông Vũ Văn Q trình bày: Gia đình
chúng tôi là hộ sản xuất nông nghiệp. Năm 2003, chúng tôi nhận chuyển
nhượng của bà Nguyễn Thị T thửa đất nông nghiệp số 847, tờ bản đồ số 6, khu
Đông Xóm, Phú Mỹ, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội. Gia
đình chúng tôi đã sử dụng từ 2003 cho đến nay.

Nguồn gốc thửa đất nông nghiệp số 847, tờ bản đồ số 6, diện tích 540m² tại khu Đồng Xóm, Phú Mỹ, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội là của ông Vũ Văn M, bà Nguyễn Thị P. Ông M, bà P chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị T theo giấy chuyển nhượng ruộng canh tác ngày 04/11/2003. Các bên không làm thủ tục chuyển nhượng tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Đến ngày 10/11/2003, bà T không có nhu cầu sử dụng thửa đất trên nên đã chuyển nhượng lại cho vợ chồng chúng tôi. Chúng tôi cũng chỉ viết giấy trao tay không làm thủ tục chuyển nhượng tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Chúng tôi không biết việc gia đình ông M đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất trên, khi chuyển nhượng ông M, bà P cũng không nói cho chúng tôi biết. Sau khi nhận chuyển nhượng thửa đất trên, vợ chồng chúng tôi đã sử dụng thửa để canh tác, sản xuất nông nghiệp chứ không sử dụng vào mục đích khác.

Đến năm 2018, thực hiện dự án xây dựng tuyến đường từ Phạm Hùng đến đường Lê Đức Thọ quận Nam Từ Liêm (giai đoạn 2) của UBND thành phố Hà Nội thì thửa đất trên đã bị thu hồi giải phóng mặt bằng 437m² hiện còn lại 103m². Diện tích còn lại vẫn do gia đình chúng tôi sử dụng. Mọi chế độ bồi thường chưa ai được nhận vì đang có tranh chấp.

Nay, chúng tôi yêu cầu Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm công nhận HĐ chuyển nhượng đất ngày 10/11/2003, giữa vợ chồng chúng tôi với bà Nguyễn Thị T là hợp pháp và xác định Thửa đất nông nghiệp số 847, tờ bản đồ số 6, diện tích 540m² tại khu Đồng Xóm, Phú Mỹ, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội thuộc quyền sử dụng của vợ chồng chúng tôi.

Bị đơn – Ông Vũ Văn M, bà Nguyễn Thị P: Tòa án đã làm thủ tục tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ cho ông M, bà P nhưng ông bà đã từ chối nhận các văn bản và cũng không đến Tòa án. Tòa án không lấy được lời khai của bà P, ông M.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Nguyễn Thị T trình bày:
Tôi là bác ruột của ông Vũ Văn Q. Ngày 04/11/2003, tôi nhận chuyển nhượng thửa đất nông nghiệp số 847, tờ bản đồ số 6, diện tích 540m² tại khu Đồng Xóm, Phú Mỹ, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội của ông Vũ Văn M và bà Nguyễn Thị P. Chúng tôi chỉ viết giấy tay với nhau không làm thủ tục chuyển nhượng tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Vì không có nhu cầu sử dụng nên ngày 10/11/2003 tôi đã chuyển nhượng lại cho vợ chồng ông Q, bà B với giá 52.000.000đ. Chúng tôi cũng chỉ viết giấy tay với nhau không làm thủ tục chuyển nhượng tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Tiền tôi đã nhận đủ, thửa đất tôi giao cho vợ chồng ông Q tại thời điểm đó. Ông Q, bà B cũng là hộ sản xuất nông nghiệp. Ông Q, bà B đã sử dụng thửa đất trên suốt từ 2003 cho đến nay. Chúng tôi không có tranh chấp gì việc chuyển nhượng thửa đất trên. Tôi không còn liên quan đến thửa đất trên nữa. Nay có tranh chấp giữa ông Q, bà B với ông M, bà P đề nghị Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật. Tôi tuổi đã cao nên đề nghị Tòa không triệu tập tôi tham gia tố tụng nữa và cũng cho tôi được vắng mặt trong cả quá trình giải quyết vụ án.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan còn lại Tòa án không lấy được lời khai, các đương sự từ chối nhận văn bản của Tòa án.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn – Ông Vũ Văn Q, bà Nguyễn Thị B trình bày: Chúng tôi vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận HĐ chuyển nhượng đất nông nghiệp giữa vợ chồng chúng tôi với bà Nguyễn Thị T đối với thửa đất nông nghiệp số 847, tờ bản đồ số 6, diện tích 540m² tại khu Đồng Xóm, Phú Mỹ, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội và xác định thửa đất nông nghiệp số 847, tờ bản đồ số 6, diện tích 540m² thuộc quyền sử dụng của chúng tôi.

- Bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm phát biểu ý kiến: Việc thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX tại phiên tòa sơ thẩm cũng như việc chấp hành pháp luật của các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 117, 119, 129, 132 Bộ luật dân sự năm 2015: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Công nhận HĐ chuyển nhượng ruộng canh tác ngày 10/11/2003 giữa bà Nguyễn Thị T và ông Vũ Văn M, bà Nguyễn Thị B có hiệu lực. Xác định thửa đất nông nghiệp số 847, tờ bản đồ số 6, diện tích 540m² thuộc quyền sử dụng của ông Vũ Văn Q, bà Nguyễn Thị B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Thẩm quyền: Ông Vũ Văn Q, bà Nguyễn Thị B khởi kiện đối với ông Vũ Văn M và bà Nguyễn Thị P có địa chỉ: Số 2, ngách 3 đường L, TDP số 4, phường M, quận N, Hà Nội. Vì vậy, Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về tố tụng: Đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo của Nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn – Ông Vũ Văn M và bà Nguyễn Thị P và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là các con ông M, bà P đều vắng mặt lần thứ 2 không có lý do, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị T đề nghị được vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử bình thường vắng các đương sự nêu trên.

Quan hệ pháp luật: Các bên tranh chấp quyền sử dụng đất nông nghiệp thuộc quan hệ “*Tranh chấp về dân sự*” theo quy định tại khoản 9, Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét yêu cầu của nguyên đơn Hội đồng xét xử thấy: Qua lời khai của các đương sự, qua thu thập chứng cứ thể hiện:

- Thửa đất nông nghiệp số 847, tờ bản đồ số 6, diện tích 540m² tại xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, Hà Nội (nay là phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm) đã được UBND huyện Từ Liêm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 22/6/2000 cho hộ gia đình ông Vũ Văn M. Nhân khẩu được giao đất theo Nghị định 64/CP gồm có ông M, bà P cùng 2 con là anh Vũ Tiến Đ và chị Vũ Thúy L.

- Theo ông Q, bà B trình bày: Thửa đất nông nghiệp trên là của ông Vũ Văn M, bà Nguyễn Thị P chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị T theo giấy chuyển nhượng ruộng canh tác ngày 04/11/2003. Ngày 10/11/2003, ông bà nhận chuyển nhượng lại của bà Nguyễn Thị T. Từ khi nhận chuyển nhượng ông bà đã sử dụng cho đến nay. Việc chuyển nhượng giữa ông M, bà P với bà T cũng như giữa bà T với ông bà đều không làm thủ tục chuyển nhượng tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

- Ông M, bà P, anh Đ và chị L đều không đến Tòa giải quyết. Khi xảy ra tranh chấp UBND phường mời các bên lên để hòa giải ông M, bà P cũng không đến vì vậy UBND phường không tiến hành hòa giải được.

- Tại Biên bản ngày 24/5/2019 của UBND phường Mỹ Đình 2 lập về việc xác minh làm rõ chủ sử dụng và quá trình sử dụng thửa đất nông nghiệp số 847, tờ bản đồ số 6, diện tích 540m² phục vụ công tác giải phóng mặt bằng thực hiện dự án: “*Xây dựng tuyến đường từ Phạm Hùng đến đường Lê Đức Thọ quận Nam Từ Liêm*” có ghi ý kiến của ông M, bà P. Ông M, bà P đã trình bày: Ông bà có ý định bán thửa đất trên cho bà Nguyễn Thị T nhưng sau đây không thống nhất được nên giao dịch không thành. Hộ gia đình chưa nhận tiền, chưa lập hợp đồng, chưa bàn giao đất. Hiện thửa đất trên vẫn do gia đình sử dụng. Tuy nhiên, sau khi có ý kiến, ông M, bà P đều không ký vào biên bản.

- Bà Nguyễn Thị T khẳng định: Ngày 04/11/2003, bà nhận chuyển nhượng thửa đất nông nghiệp số 847, tờ bản đồ số 6, diện tích 540m² tại khu Đồng Xóm, Phú Mỹ, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội của ông Vũ Văn M và bà Nguyễn Thị P. Vì không có nhu cầu sử dụng nên, ngày 10/11/2003, bà đã chuyển nhượng lại cho vợ chồng ông Q, bà B với giá 52.000.000đ. Ông Q, bà B cũng là người sản xuất nông nghiệp. Sau khi nhận chuyển nhượng của của tôi ông Q, bà B đã sử dụng suốt từ đó cho đến nay.

- Cũng tại Biên bản ngày 24/5/2019 của UBND phường Mỹ Đình 2 lập về việc xác minh làm rõ chủ sử dụng và quá trình sử dụng thửa đất nông nghiệp số 847, tờ bản đồ số 6, diện tích 540m² phục vụ công tác giải phóng mặt bằng thực hiện dự án: “*Xây dựng tuyến đường từ Phạm Hùng đến đường Lê Đức Thọ quận Nam Từ Liêm*”, Nguyên đội trưởng đội sản xuất nông nghiệp số 2 cũng xác nhận: “*Thực hiện Nghị định 64/CP về việc giao đất nông nghiệp cho các hộ gia đình, cá nhân. Hộ gia đình ông Vũ Văn M được giao đất và cấp GCN QSD trong đó có thửa số 847, tờ bản đồ số 6, diện tích 540m². Vào năm 2003, ông M bà P đã bán cho bà T và cùng vào năm 2003, bà T bán lại cho bà B, ông Q. Sau đó bà T, bà B*

và bà P có đến thông báo cho tôi việc mua bán trên. Trong sổ bộ thuế tôi theo dõi thì bà B, ông Q là người đóng thuế thửa đất trên từ đó cho đến khi được miễn thuế cho các hộ gia đình, cá nhân. Tôi khẳng định những gì trình bày trên là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật”.

- Các hộ liên kế thửa đất số 847 đều khẳng định: Ông Vũ Văn Q, bà Nguyễn Thị B là người trực tiếp sử dụng thửa đất trên. Từ khoảng năm 2002 - 2003 đến nay không thấy ông M, bà P có bất kỳ hoạt động sản xuất canh tác nào tại thửa đất này.

Như vậy, đủ cơ sở để khẳng định việc chuyển nhượng thửa đất nông nghiệp số 847, tờ bản đồ số 6, diện tích 540m² giữa ông Vũ Văn M, bà Nguyễn Thị P với bà Nguyễn Thị T và giữa bà Nguyễn Thị T với ông Vũ Văn Q, bà Nguyễn Thị B là có thật.

Xét “*Giấy chuyển nhượng ruộng canh tác*” ngày 04/11/2003 giữa ông M, bà P với bà T và “*Giấy chuyển nhượng ruộng canh tác*” ngày 10/11/2003 giữa bà T với bà B, ông Q, Hội đồng xét xử thấy:

Theo quy định tại Điều 117 Bộ luật dân sự về điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự:

“1. Giao dịch dân sự có hiệu lực khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Chủ thể có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự phù hợp với giao dịch dân sự được xác lập;

b) Chủ thể tham gia giao dịch dân sự hoàn toàn tự nguyện;

c) Mục đích và nội dung của giao dịch dân sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

2. Hình thức của giao dịch dân sự là điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự trong trường hợp luật có quy định.”

Việc chuyển quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 689 của Bộ luật dân sự năm 2005 thì: Hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất phải được lập thành văn bản có công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật.

Giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Vũ Văn M, bà Nguyễn Thị P với bà Nguyễn Thị T cũng như giao dịch giữa bà Nguyễn Thị T với ông Vũ Văn Q, bà Nguyễn Thị B nêu trên đều không tuân thủ quy định về hình thức nên bị vô hiệu theo quy định tại Điều 129 Bộ luật dân sự.

Theo quy định tại Điều 132 Bộ luật dân sự thì thời hiệu yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu quy định tại Điều 129 Bộ luật dân sự là 02 năm. Giao dịch trên giữa các bên đã được thực hiện từ năm 2003 nhưng cho đến khi xảy ra tranh chấp là năm 2018 không có bên nào yêu cầu tuyên bố giao dịch vô hiệu. Vì vậy, căn cứ khoản 2, Điều 132 giao dịch trên giữa các bên có hiệu lực.

Giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Vũ Văn M, bà Nguyễn Thị P với bà Nguyễn Thị T và giữa bà Nguyễn Thị T với ông Vũ Văn Q, bà Nguyễn Thị B trên có hiệu lực nên đủ căn cứ xác định thửa đất nông nghiệp số 847, tờ bản đồ số 6, diện tích 540m² tại phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm thuộc quyền sử dụng của bà Nguyễn Thị B, ông Vũ Văn Q.

Nay, ông Q, bà B khởi kiện đối với ông M, bà P về việc: Công nhận HĐ chuyển nhượng và xác định thửa đất nông nghiệp số 847, tờ bản đồ số 6, diện tích 540m² tại phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm trên thuộc quyền sử dụng của ông bà là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về giá trị sử dụng đất: Ông Q, bà B đề nghị áp dụng theo giá Nhà nước quy định khi bồi thường. Đề nghị của ông Q, bà B là phù hợp với quy định của pháp luật cần được chấp nhận.

Theo quy định tại Nghị định 47/2014/NĐ - CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; Quyết định số 10/2017/QĐ – UBND ngày 29/3/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành quy định các nội dung thuộc thẩm quyền của UBND thành phố Hà Nội về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội: Giá bồi thường đất nông nghiệp là **252.000đ/1m²**.

Đến năm 2018, thực hiện dự án xây dựng tuyến đường từ Phạm Hùng đến đường Lê Đức Thọ quận Nam Từ Liêm (giai đoạn 2) của UBND thành phố Hà Nội thì thửa đất trên đã bị thu hồi giải phóng mặt bằng 437m² hiện còn lại 103m². Diện tích còn lại vẫn do gia đình bà B, ông Q sử dụng.

Theo Công văn 490/UBND-TNMT ngày 26/3/2020, UBND quận Nam Từ Liêm đã trả lời ông Vũ Văn M có nội dung: Theo khoản 3, Điều 30 Nghị định 47/CP ngày 15/5/2014 quy định “*Trường hợp diện tích đất thu hồi đang có tranh chấp về quyền sử dụng đất mà chưa giải quyết xong thì tiền bồi thường, hỗ trợ với phần diện tích đất đang có tranh chấp được chuyển vào Kho bạc Nhà nước chờ sau khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giải quyết xong thì trả cho người có quyền sử dụng đất*”.

Nay, xác định thửa đất nông nghiệp số 847, tờ bản đồ số 6, diện tích 540m² tại phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm trên thuộc quyền sử dụng của ông Q, bà B nên ông Q, bà B phải tự liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm các thủ tục liên quan đến chế độ bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất đã bị thu hồi.

Bác các yêu cầu khác của đương sự.

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông M, bà P cùng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 117, Điều 119, Điều 129, Điều 132 Bộ luật dân sự; Nghị định 47/2014/NĐ - CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Quyết định số 10/2017/QĐ – UBND ngày 29/3/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội; khoản 3, Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 39; Điều 147; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. **Xử:**

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B, ông Vũ Văn Q đối với bà Nguyễn Thị P và ông Vũ Văn M về việc: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất nông nghiệp*”.

2/ Công nhận HĐ chuyển nhượng ruộng canh tác (*Giấy chuyển nhượng ruộng canh tác*) ngày 10/11/2003 giữa bà Nguyễn Thị T và ông Vũ Văn M, bà Nguyễn Thị B về việc chuyển nhượng thửa đất nông nghiệp số 847, tờ bản đồ số 6, diện tích 540m² tại phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm có hiệu lực.

3/ Xác định thửa đất nông nghiệp số 847, tờ bản đồ số 6, diện tích 540m² tại phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội thuộc quyền sử dụng của ông Vũ Văn Q và bà Nguyễn Thị B.

Ông Q, bà B phải tự liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm các thủ tục liên quan đến chế độ bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất trong thửa đất nông nghiệp số 847 bị thu hồi.

Bác các yêu cầu khác của đương sự.

4/ Về án phí: Bà Nguyễn Thị P, ông Vũ Văn M cùng phải chịu 6.804.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND Q.Nam Từ Liêm;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Chi cục THADS Q.Nam Từ Liêm;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

Nguyễn Thị An.